

cho đệ tử của Ngài, "Hãy coi giáo pháp như là hải đảo an toàn và hãy an trú vào giáo pháp, không nên tìm cầu sự an trú nào khác." Nhưng, như chúng ta biết, Đức Phật không những chỉ giảng dạy giáo pháp, mà Ngài còn thành lập giáo hội tăng đoàn, bao gồm 4 chúng đệ tử: tỳ kheo (bhiksu,) tỳ kheo ni (bhiksuni,) Nam cư sĩ, Nam Phật Tử, Cận Sự Nam (upāsaka,) và Nữ Phật Tử, Nữ Cư Sĩ, Cận Sự Nữ (upāsikà.)

Theo Wikipedia, Upāsaka (masculine) or Upāsikā (feminine) are from the Sanskrit and Pāli words for "attendant." This is the title of followers of Buddhism (or, historically, of Gautama Buddha) who are not monks, nuns, or novice monastics in a Buddhist order, and who undertake certain vows. In modern times they have a connotation of dedicated piety that is best suggested by terms such as "lay devotee" or "devout lay follower."

Tạng thứ 3rd trong Tam Tạng Kinh là Tạng Luận, còn gọi là A Tỳ Đạt Ma, A Tỳ Đàm, Thắng Pháp, Đôi Pháp, Vô Tỉ Pháp, Vi diệu Pháp, ... Tiếng Pali là Abhidhamma, tiếng Phạn là Abhidharma, chữ Abhi có nghĩa là "cao hơn, vượt lên trên, vượt khỏi" và cũng có nghĩa là "cao siêu hay tinh tế;" chữ dhamma/dharma trong trường hợp này không có nghĩa là Đạo Pháp mà chỉ có nghĩa là các "hiện tượng, phenomena, luật pháp của vũ trụ, cosmic law and order." Nên hiểu chữ hiện tượng hay dhamma, dharma trong Phật Giáo mang ý nghĩa rất trừu tượng, có nghĩa là tất cả những gì mà chúng ta có thể cảm nhận được bằng lục giác (ngũ giác và tâm thức,) và những gì xảy ra bên trong tâm thức, kể cả những gì hiện lên trong các giấc mơ và cả các thứ ảo tưởng hay ảo giác.